

Phụ lục 1
DANH MỤC TTHC UBND TỈNH LAI CHÂU ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Căn cứ
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (3)		
1	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu	Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 2 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 2 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
3	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 2 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
II	Lĩnh vực an toàn thực phẩm (4)		
1	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Khoản 5 Điều 37 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; khoản 2 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương
2	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Khoản 5 Điều 37 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; khoản 2 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương
3	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 43/2018TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương
4	2.000115	Cấp lại chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Thông tư số 43/2018TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương
III	Lĩnh vực quản bán hàng đa cấp (3)		
1	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Điều 18 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 48, Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Khoản 2, Điều 48, Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Căn cứ
3	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Khoản 4,5 Điều 48, Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
IV Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (1)			
1	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 47, Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
V Lĩnh vực Thương mại điện tử (5)			
1	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3 Điều 49 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 49 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Quyết định 1928/QĐ-BCT ngày 02/7/2025 của Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình
4	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	Quyết định 1928/QĐ-BCT ngày 02/7/2025 của Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình
5	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Điều 60 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
VI Lĩnh vực kinh doanh khí (15)			
1	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
3	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
4	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
5	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
6	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
7	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Căn cứ
8	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
9	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Khoản 1, Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
10	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 2 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
11	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 2 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
12	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 2 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
13	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 3 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
14	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 3 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
15	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; khoản 3 Điều 16 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
VII Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng (6)			
1	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Điều 14 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; khoản 5 Điều 18 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
2	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Điều 14, Điều 39 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; khoản 5 Điều 18 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
3	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Điều 14, Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; khoản 5 Điều 18 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
4	1.004021	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
5	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Điều 27 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
6	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Căn cứ
VIII	Lĩnh vực điện (9)		
1	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
2	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
3	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
4	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
5	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
6	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
7	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
8	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 3 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
9	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
IX	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (2)		
1	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000210	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
X	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động (2)		
1	1.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	Điều 11, Điều 13, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	1.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	Điều 12, Điều 13, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Căn cứ
XI	Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ (1)		
1	1.001304	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ; khoản 1 Điều 54 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.